**(1) Bảng giá đất rừng sản xuất:**

- Đất rừng sản xuất tính bằng giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm tương ứng với từng khu vực, vị trí.

- Đối với đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng tính bằng 80% giá đất rừng sản xuất.

**(2) Bảng giá đất nuôi trồng thủy sản:**

Đất nuôi trồng thủy sản tính bằng giá đất trồng cây hàng năm tương ứng với từng khu vực, vị trí.

**(3) Bảng giá đất chăn nuôi tập trung:**

Đất chăn nuôi tập trung được tính bằng 150% đất nông nghiệp trồng cây lâu năm cùng khu vực, vị trí, nhưng không vượt quá đất ở cùng khu vực, vị trí.

**(4) Bảng giá đất làm muối**

Đất làm muối tính bằng 80% giá đất nuôi trồng thủy sản tương ứng với từng khu vực, vị trí.